

Bản án số: 31/2020/HNGĐ-PT.

Ngày: 23-11-2020

V/ v ly hôn, nuôi con chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Phương

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Quế

Ông Bằng Công Hiệp

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thịnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên: Bà Lê Ngọc Kim Loan - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 23 tháng 11 năm 2020 Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 23/2020/TLPT-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2020 về ly hôn.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 16/2020/HNGĐ-ST ngày 12 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện PB, tỉnh Thái Nguyên bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 31/2020/QĐXX-PT ngày 14 tháng 10 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đinh Thị N, sinh năm 1998

HKTT: Xóm PM, xã DX, huyện PB, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt)

Nơi ở: Xóm TN, xã TH, huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên.

2. Bị đơn: Anh Trương Văn T, sinh năm 1996

HKTT: Xóm PM, xã DX, huyện PB, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt)

3. Người kháng cáo: Anh Trương Văn T là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân:

- *Nguyên đơn chị N trình bày*: Chị với anh Trương Văn T, sinh năm 1996, có tìm hiểu và đăng ký kết hôn tự nguyện tại UBND xã ĐX, huyện PB, tỉnh Thái Nguyên, ngày 26/01/2018. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận được khoảng 02 năm, từ tháng 4/2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do kinh tế gia đình khó khăn và anh T có mối quan hệ với người phụ nữ khác, dẫn đến việc vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xô xát, làm tổn thương tinh thần nhau. Anh chị đã sống ly thân nhau từ tháng 5/2020 cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trương Văn T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Trương Gia B sinh ngày 25/5/2018. Khi ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu B, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn Anh Trương Văn T trình bày*: Anh xác định về điều kiện kết hôn, thời gian chung sống và tài sản chung, nợ chung như chị N trình bày là chính xác. Về nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn, sau khi chị N bị công ty cũ đuổi việc, kinh tế gia đình gặp khó khăn. Chị N hiểu lầm anh có quan hệ với người phụ nữ khác dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Tháng 5/2020, Chị N tự ý xin phép bố mẹ anh về nhà ngoại một thời gian, sau đó ở hẳn không về. Nay anh xác định vẫn còn tình cảm với chị N, mong muốn được đoàn tụ vợ chồng.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung như chị N trình bày là đúng, trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn, anh không nhất trí để chị N nuôi con.

Với nội dung trên, tại bản án số 16/2020/HNGĐ-ST ngày 12 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện PB, tỉnh Thái Nguyên đã xét xử và quyết định: Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ Điều 24; Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Thị N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị N được ly hôn anh Trương Văn T.
2. Về quyền nuôi con chung: Giao cho chị Đinh Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trương Gia B, sinh ngày 25/5/2018 cho đến khi cháu B đủ 18 tuổi.
3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị Đinh Thị N không yêu cầu anh Trương Văn T phải cấp dưỡng nuôi con, nên không xem xét.

4. Về quyền thăm nom con: Sau khi ly hôn anh Trương Văn T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết anh T có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

5. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 25/8/2020 anh Trương Văn T có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, đề nghị được trực tiếp nuôi con chung Trương Gia B, sinh ngày 25/5/2018.

Tại phiên tòa phúc thẩm anh T giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Anh T trình bày, chị N mới đi làm ở công ty may, đang trong thời gian thử việc nên thu nhập không ổn định. Chị N sống cùng bố mẹ đẻ, gia đình còn có ông bà nội đã hơn 80 tuổi và em trai đang học lớp 11, không đủ điều kiện kinh tế và thời gian để chăm sóc con chung. Cháu B từ bé đã sống cùng gia đình anh do chị N đi làm xa không có điều kiện chăm sóc con và hiện nay mẹ anh cũng là người hàng ngày chăm sóc cháu B. Tòa án cấp sơ thẩm giao cho chị N được nuôi con chung, anh không đồng ý. Anh đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xem xét giao con chung cho anh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng để con anh được lớn lên trong môi trường tốt nhất. Anh yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đ/tháng

Chị N xác định hiện chị đang làm tại phòng khám tư nhân ở huyện ĐT, chị cũng có đủ thời gian và điều kiện để chăm sóc con chung. Nhưng nếu anh T có nguyện vọng nuôi con chung và yêu cầu chị cấp dưỡng nuôi con chung, đảm bảo mọi điều kiện tốt nhất cho con và không được cản trở chị khi thăm con thì chị nhất trí để anh T nuôi con chung và nhất trí cấp dưỡng nuôi con chung cho anh T mỗi tháng 1.000.000đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên phát biểu sự tuân theo pháp luật của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án. Tại phiên tòa anh T và chị N đã thỏa thuận với nhau về việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309; Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; Chấp nhận kháng cáo của anh Trương Văn T. Sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện PB, tỉnh Thái Nguyên. Công nhận sự thỏa thuận giữa chị Đinh Thị N và anh Trương Văn T về việc chăm sóc giáo dục con chung. Anh T phải chịu án phí phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

[1.] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của anh T làm trong hạn luật định, đã nộp dự phí kháng cáo là hợp lệ nên được xét xử theo trình tự phúc thẩm [2.] Về nội dung: Xét kháng cáo của anh T, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Về quan hệ hôn nhân: Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị N được ly hôn với anh T Sau khi xét xử sơ thẩm hai bên không kháng cáo nội dung này, nên cấp phúc thẩm không xem xét .

Về con chung: Chị N và anh T trong quá trình chung sống có một con chung là Trương Gia B, sinh ngày 25/5/2018. Hiện nay cháu B đang ở cùng gia đình anh T(cháu B dưới 36 tháng tuổi). Tại phiên tòa phúc thẩm, chị N và anh T đã thỏa thuận về việc giao cho anh T trực tiếp chăm sóc con chung Trương Gia B, sinh ngày 25/5/2018, chị N nhất trí cấp dưỡng nuôi con chung cho anh T số tiền 1.000.000đồng/tháng.

Hội đồng xét xử thấy, việc thỏa thuận trách nhiệm chăm sóc con chung giữa chị N và anh T là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội, phù hợp với điều kiện sinh sống và học tập của cháu B nên được chấp nhận. Căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308, Bộ luật tố tụng dân sự. Sửa bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm, công nhận thỏa thuận của các đương sự.

Giao cháu Trương Gia B, sinh ngày 25/5/2018 cho anh Trương Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, đến khi con đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Chị N có quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Chị N có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh B là 1.000.000đ (một triệu đồng)/ tháng, thời gian cấp dưỡng nuôi con tính từ ngày xét xử đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Án phí: Anh T phải chịu án phí phúc thẩm. Chị N phải nộp 300.000 đồng(*Ba trăm nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng nuôi con vào N sách nhà nước.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị. Hội đồng xét xử không xem xét.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tại phiên tòa là có căn cứ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 300; khoản 2 Điều 308; Điều 309; Điều 147, Điều 148 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Chấp nhận đơn kháng cáo của anh Trương Văn T. Công nhận sự thỏa thuận của anh Trương Văn T và chị Đinh Thị N về việc nuôi con chung.

Sửa bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 16/2020/HNGĐ-ST ngày 12 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện PB, tỉnh Thái Nguyên.

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; 147; 271; 273; 278; 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 51; 53; 56; 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về việc

quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Đinh Thị N, chị Đinh Thị N được ly hôn với anh Trương Văn T.

2. Về con chung: Giao cho anh Trương Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Trương Gia B, sinh ngày 25/5/2018 cho đến khi cháu B đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác. Chị N có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Tsố tiền là 1.000.000đồng(một triệu đồng)/01tháng, thời gian cấp dưỡng nuôi con tính từ ngày xét xử đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Anh T, chị N không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Đinh Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, xác nhận chị N đã nộp đủ theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0000323 ngày 22 tháng 5 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện PB, tỉnh Thái Nguyên. Anh Trương Văn T phải chịu án phí ly hôn phúc thẩm, xác nhận anh đã nộp đủ theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0000446 ngày 26 tháng 8 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện PB, tỉnh Thái Nguyên.

Chị N còn phải phải nộp 300.000 đồng(Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con vào N sách nhà nước.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành./.

Nơi nhận:

- VKS ND tỉnh Thái Nguyên;
- TAND huyện PB;
- THADS huyện PB;
- UBND xã ĐX;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hồng Phương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Quế- Bằng Công Hiệp

Lê Thị Hồng Phương